

**ĐẢNG BỘ KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH
ĐẢNG ỦY BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

*

Số 37 - CV/ĐU

“V/v bổ sung đủ giấy tờ, đề nghị cấp giấy
xác nhận trình độ tương đương Sơ cấp lý luận”

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Giang, ngày 10 tháng 11 năm 2014

Kính gửi: Các chi bộ

Căn cứ công văn số 16-CV/TTBDCT ngày 25/9/2014 của Trung tâm bồi dưỡng chính trị Thành phố về việc rà soát các cá nhân có nhu cầu xác nhận trình độ tương đương Sơ cấp lý luận chính trị nhưng còn thiếu thủ tục.

Để tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy xác nhận đảm bảo đúng các quy định của cấp trên. Đảng ủy Bệnh viện Đa khoa tỉnh yêu cầu các chi bộ rà soát lại đảng viên có tên (danh sách kèm theo) có nhu cầu xác nhận **trình độ sơ cấp lý luận chính trị** nhưng còn thiếu giấy tờ theo quy định, đề nghị bổ sung, hoàn tất nộp về phòng TCCB trước ngày 20/11/2014, để tổng hợp đề nghị cấp giấy xác nhận.

Lệ phí và tiền làm chứng chỉ: **200.000** đồng/người (Hai trăm nghìn đồng).

Đề nghị các chi bộ triển khai thực hiện đúng thời gian quy định. Chi bộ nào nộp chậm và thiếu giấy tờ sẽ không được cấp giấy chứng chỉ, Đảng ủy sẽ không đề nghị bổ sung./.

Nơi nhận:

- T. Tr Đảng ủy;
- Các chi bộ trực thuộc;
- Lưu VPĐU.

**T/M ĐẢNG ỦY BỆNH VIỆN
PHÓ BÍ THƯ**



Nguyễn Thị Bích Lan

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH
ĐẢNG ỦY BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP LLCT

TT	Họ và tên	Năm sinh	T Độ chuyên môn	Triết	CNXH	KTCT	LSD	TTHCM	Tổng điểm
1.	Đỗ Khắc Chiến	28/6/1970		Bảng điểm không có những môn LLCT					
2.	Hoàng Khắc Tinh	18/4/1963	Đại học	75	45	90	45		255
3.	Đặng Đức Cường	05/4/1964	Đại học	Bảng điểm có môn Triết, CNXHKH, Lịch sử đảng nhưng ko có số học phần					
4.	Hoàng Thị Hiên	29/4/1970	Đại học	Không có môn			45	30	75
5.	Bùi Bích Ngọc	25/9/1972	Đại học	45	15	15		45	120
6.	Hoàng Thị Hoa	28/3/1977	Đại học	45	15	15		45	120
7.	Nguyễn Thị Lan	01/6/1974	Đại học	Không có môn			45	30	75
8.	Phạm Thị Kim Quy	04/10/1977	Đại học	75	60	90	60	45	330
9.	Vũ Thị Hạ	16/12/1980	Đại học						
10.	Nguyễn Ánh Ngọc	02/8/1984	Đại học	90	60	75	60	45	330
11.	Đinh Viết Cường	01/01/1981	Đại học	60	60	60	60	45	265
12.	Kim Thị Ngọc Lan	24/5/1981	Cao đẳng	Có bảng điểm nhưng không có số học phần					
13.	Nguyễn Thị Thảo	29/3/1964	Đại học	90	60	120	60	45	375
14.	Cần Ngọc Hùng	21/4/1959	Đại học	75	60	90	60		285
15.	Đỗ Thị Kim Thanh	27/6/1967	Đại học	90	120	60	60	45	375

16.	Nguyễn Thị Thủy	01/10/1977	Đại học	60	30	75	Không có môn		165	
17.	Bùi Thị Thu	27/10/1976	Đại học	90	60	120	60	45	375	
18.	Phạm thị Thu Hằng	22/7/1977	Đại học	90	60	120	60	45	375	
19.	Đào Thị Thanh	14/9/1974	Đại học	90	60	120	60	45	375	
20.	Nguyễn T. Đỗ Phúc	16/3/1981	Đại học	Có bảng điểm nhưng không có số học phần						
21.	Nguyễn T.Thủy Tinh	13/12/1973	Đại học	Không có môn		45	30	75		
22.	Nguyễn Xuân Sơn	02/10/1972	Đại học	Có bảng điểm nhưng không có số học phần						
23.	Nguyễn T. Thu Hiền	12/8/1972	Đại học	Không có môn		30	45			
24.	Trần Văn Học	16/8/1969	Đại học	Có bảng điểm nhưng không có số học phần						
25.	Đỗ Thị Thu	15/4/1978	Đại học	Có bảng điểm nhưng không có số học phần						
26.	Trần Hoài Quang	26/02/1982	Đại học	90	60	75	60	45	330	
27.	Trần Hùng Cường	03/7/1986	Đại học	Bảng điểm không có những môn LLCT						
28.	Trần Quyết Thắng	31/12/1979	Đại học	90	60	75	60	45	330	
29.	Mai Bảo Trung	02/02/1976	Đại học	90	Không có môn				90	
30.	Vũ Đình Cao	19/8/1972	Đại học	Không có bảng điểm						
31.	Nguyễn Việt Thắng	05/6/1975	Đại học	90	Không có môn				90	
32.	Nguyễn T. Tuyết Lan	20/9/1977	Đại học	Không có môn		45	30	75		
33.	Vũ Ngọc Quyết	10/7/1975	Đại học	Không có bảng điểm						
34.	Đỗ Trung Kiên	26/02/1987	Đại học	Không có bảng điểm						
35.	Bùi Quang Thái	19/4/1987	Đại học	Không có bảng điểm						
36.	Nguyễn thị Hà	10/10/1971		Không có môn		45	30	75		



37.	Lê văn Lợi	04/5/1962	Đại học	Không có bằng điểm						
38.	Đào Thùy Dương	23/9/1979	Đại học	Không có bằng điểm						
39.	Ngọc Thanh Phương	225/11/1975	Đại học	Không có bằng điểm						
40.	Sin Thị Huyền	18/11/1974	Đại học	Có bằng điểm nhưng không có số học phần						
41.	Đỗ Thị Thủy	07/3/1980	Đại học	Có bằng điểm nhưng không có số học phần						
42.	Nông Thị Bích Ngọc	02/01/1980	Đại học	Có bằng điểm nhưng không có số học phần						
43.	Nguyễn T. Huyền Lê	21/3/1983	Đại học	Có bằng điểm nhưng không có số học phần						
44.	Đặng thị Ngân	11/10/1976	Đại học	75	30	45	30	45	225	
45.	Nguyễn Xuân Thanh	20/10/1967	Đại học	Có bằng điểm nhưng không có số học phần						
46.	Phạm Hồng Thanh	25/6/1968	Đại học	Có bằng điểm nhưng không có số học phần						
47.	Phạm Anh Tuấn	222/3/1976	Đại học	90	60	75	60	45	330	
48.	Nguyễn Thị Hường	05/9/1972	Đại học	Không có bằng điểm						
49.	Đinh Thị Lương Tâm	16/8/1977	Đại học	Có bằng điểm nhưng không có số học phần						
50.	Nguyễn Bá Giang	05/9/1974	Đại học	Có bằng điểm nhưng không có số học phần						
51.	Hoàng thị Lê	15/4/1982	Đại học	Không có môn		45	30	75		
52.	Lê Thủy Liên	12/6/1972	Đại học	Không có môn		45	30	75		
53.	Đào Cẩm Lê	12/01/1977	Đại học	Có bằng điểm nhưng không có số học phần						
54.	Nguyễn T. Minh Trâm	08/01/1972	Đại học	Có bằng điểm nhưng không có số học phần						
55.	Nguyễn Thị Thu Hà	03/10/1982	Đại học	Có bằng điểm nhưng không có số học phần						
56.	Ngô Thị Tuyết	20/03/1975	Đại học	75	30	45	30	45	225	
57.	Dương Thị Hiền	10/4/1981	Đại học	Không có môn		30	45	75		





58.	Ngô Duy Quang	02/10/1969	Đại học	Không có môn			30	45	75
59.	Nguyễn Thị Duyên	25/8/1974	Đại học	Có bảng điểm nhưng không có số học phần					
60.	Dương Hồng Chuyên	16/5/1978	Đại học	45		30	30		105
61.	Lê Đức Thắng	14/4/1960	Đại học	Có đơn, bằng TN, không có bảng điểm					
62.	Chu Quốc Huy	08/9/1961	Đại học	Có đơn, bằng TN, không có bảng điểm					
63.	Xuân Văn Khánh	12/01/1961	Đại học	Có đơn, bằng TN, không có bảng điểm					
64.	Nguyễn Xuân Nghĩa	06/7/1971	Đại học						
65.	Bé Văn Hợp	27/4/1973	Đại học	Có đơn, bằng điểm, không có bằng					
66.	Lê Việt Quang	15/5/1980	Đại học	Không có các môn LLCT					
67.	Đặng thị Nga	27/9/1975	Đại học	45	30	15	60	30	180
68.	Nguyễn Ngọc Lưu	01/8/1969	Đại học	Có bảng điểm nhưng không có số học phần					
69.	Bùi thị Hằng	28/4/1970	Đại học	Không có môn			45	30	75
70.	Đinh Thị Hà	26/8/1974	Đại học	Có đơn, bằng TN, không có bảng điểm					
71.	Phạm Thị Vân	10/11/1973	Đại học	30	30	30	30	45	165
72.	Nguyễn Giang Hải	24/5/1960	Đại học	Có đơn, Giấy CN tốt nghiệp, không có bảng điểm					
73.	Chu Thành Vĩnh	27/01/1972	Đại học	Có bảng điểm nhưng không có số học phần					
74.	Mã Hồng Cầu	04/4/1980	Đại học	Có bảng điểm nhưng không có số học phần					
75.	Nguyễn Khánh Dũng	01/11/1980	Đại học	75	30	45	30	45	225
76.	Nguyễn Đức Huân	20/7/1974	Đại học	Có bảng điểm nhưng không có số học phần					